

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27 /2022/DS - ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Ông Nguyễn Văn Bảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh –Thư ký TAND thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-DS ngày 23/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-DS ngày 13/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Kép, xã H, huyện Y, tỉnh G.

Bị đơn: Anh Hoàng Chí C, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 42, đường P, phường H, thành phố B, tỉnh G

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Hà Thị Nh, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Kép, xã H, huyện Y, tỉnh G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Anh Dương Văn B trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên Anh Dương Văn B đã nhiều lần cho Anh Hoàng Chí C vay tiền. Trong thời gian từ năm 2020 đến tháng 5/2021 cho anh C vay tổng số tiền khoảng 02 tỷ đồng. Các lần cho vay cụ thể như sau:

Ngày 01/01/2020, chuyển khoản cho anh C vay số tiền 99 triệu đồng từ số tài khoản của anh B là 19033925386010 tại Ngân hàng Techcombank tới số tài khoản của anh C là 031 000 684 363 tại Ngân hàng Vietcombank.

Ngày 03/8/2020, anh C nhắn tin hỏi vay số tiền 300 triệu đồng, anh B đồng ý cho anh C vay số tiền 300 triệu đồng, khi vay là chỗ quen biết nên không viết giấy tờ gì, không thỏa thuận về lãi suất, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 10 ngày. Số tiền này cho anh C vay bằng tiền mặt.

Ngày 02/11/2020 chuyển khoản cho anh C vay số tiền 40 triệu đồng từ số tài khoản của anh B là 19033925386010 tại Ngân hàng Techcombank tới số tài khoản của anh C là 031 000 684 363 tại Ngân hàng Vietcombank.

Ngày 03/11/2020 chuyển khoản cho anh C vay tổng số tiền là 100 triệu đồng (chuyển khoản 02 lần: Lần 1 là 80 triệu đồng, lần 2 là 20 triệu đồng) từ số tài khoản của anh B là 1903392538 6010 tại Ngân hàng Techcombank tới số tài khoản của anh C là 031 000 684 363 tại Ngân hàng Vietcombank.

Ngày 04/11/2020 chuyển khoản cho anh C vay số tiền 50 triệu đồng từ số tài khoản của anh B là 1903392538 6010 tại Ngân hàng Techcombank tới số tài khoản của anh C là 031 000 684 363 tại Ngân hàng Vietcombank.

Ngày 05/11/2020 chuyển khoản cho anh C vay số tiền 34 triệu đồng từ số tài khoản của anh B là 19033925386010 tại Ngân hàng Techcombank tới số tài khoản của anh C là 031000 684 363 tại Ngân hàng Vietcombank.

Ngày 21/11/2020, anh C nhắn tin hỏi vay nóng số tiền 300 triệu đồng, anh B đồng ý cho anh C vay số tiền 300 triệu đồng, khi vay là chỗ quen biết nên không viết giấy tờ gì, không thỏa thuận về lãi suất, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 10 ngày. Số tiền này cho anh C vay bằng tiền mặt.

Ngày 04/3/2021 cho anh C vay số tiền 450.000.000đồng, thời hạn vay từ 04/3/2021 đến 30/6/2021, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất theo thỏa thuận các bên dựa trên quy định pháp luật, việc vay tiền có làm hợp đồng cho vay, có chữ ký của Anh Hoàng Chí C.

Đến nay, anh B chỉ còn nhớ cụ thể các lần cho vay nêu trên, ngoài ra còn các lần vay khác anh không nhớ được cụ thể do thời gian đã lâu, giấy tờ về các lần vay anh không giữ được đầy đủ do các bên đã đối chiếu, ký nhận tại giấy nhận tiền ngày 15/5/2021. Toàn bộ số tiền vay mục đích như anh C nói đều để đặt cọc mua đất.

Tổng số tiền cho anh C vay khoảng 02 tỷ đồng. Quá trình vay trả, tính đến ngày 15/5/2021 anh C còn nợ tổng số tiền là 01 tỷ đồng. Do chưa có tiền trả nên anh C đã viết giấy nhận tiền nội dung xác nhận anh C còn nợ số tiền 01 tỷ đồng. Giấy nhận tiền ngày 15/5/2021 là do anh C viết và ký.

Tại giấy nhận tiền ngày 15/5/2021 ghi nội dung: “Tôi: Hoàng Chí C nhận của Anh Dương Văn B số tiền 01 tỷ đồng, mục đích: Nhận đặt cọc đất của A. Bình với số tiền trên để mua cho anh B01 lô đất giá trị 1.000.000.000đồng tại phố Cốc.....Đến ngày 30/10/2021 tôi không mua được đất cho anh B tôi sẽ hoàn lại số tiền trên ” anh lý giải như sau: Do đến ngày 15/5/2021 anh C không trả hết số tiền còn nợ nên hai bên đã thống nhất anh C viết giấy nhận tiền cho anh, do không có tiền trả ngay nên anh C nói với anh số tiền 01 tỷ đồng anh C còn nợ sẽ coi như tiền anh đưa cho anh C để anh C chuộc đất của anh C có địa chỉ tại Phố C – Dĩnh Trì – thành phố B (đất này anh C đang thế chấp vay ngoài), nếu sau khi chuộc được diện tích đất này về mà anh C không trả được số tiền 01 tỷ đồng thì diện tích đất này anh C sẽ bán cho anh B; nếu không chuộc được đất

thì anh C sẽ phải trả anh số tiền 01 tỷ đồng. Anh B khẳng định, bản chất số tiền 01 tỷ đồng theo giấy nhận tiền ngày 15/5/2021 không phải là tiền đặt cọc mua đất mà là tiền cho anh C vay vào các ngày khác nhau cộng lại đến ngày 15/5/2021 anh C còn nợ anh B.

Tại đơn khởi kiện, anh B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Anh Hoàng Chí C trả lại số tiền đặt cọc đất là 1.000.000.000đồng; yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng đặt cọc số tiền là 100.000.000đồng. Quá trình giải quyết, anh B xác định số tiền 01 tỷ đồng theo giấy nhận tiền ngày 15/5/2021 là khoản tiền anh C còn nợ anh B tính đến ngày 15/5/2021. Do vậy, anh B chỉ yêu cầu Tòa án buộc Anh Hoàng Chí C trả số tiền vay 1.000.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi; không yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền là 100 triệu đồng. Toàn bộ số tiền trên anh B chỉ đưa cho cá nhân anh C nên chỉ yêu cầu cá nhân anh C phải trả, không yêu cầu ai khác phải trả.

Bị đơn là Anh Hoàng Chí C đã được biết về việc nguyên đơn là Anh Dương Văn B khởi kiện nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp giấy tờ, tài liệu gì. Sau khi nhận Thông báo Thụ lý vụ án, giấy báo làm việc của Tòa án, Anh Hoàng Chí C đã chuyển đi nơi khác nhưng không Thông báo địa chỉ nơi ở mới cho Tòa án, cho chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác tại địa chỉ số nhà 42, đường P, phường H, thành phố B, tỉnh G (là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh C và là địa chỉ ghi trong giấy nhận tiền)

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chị Hà Thị Nh trình bày:

Chị là vợ Anh Dương Văn B. Về việc anh B cho Anh Hoàng Chí C vay tiền chị không biết cụ thể thế nào, chỉ đến khi anh C không trả được tiền còn nợ thì anh B mới nói cho chị biết về việc cho anh C vay tiền, đến nay còn nợ số tiền là 01 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền anh B cho anh C vay là tiền anh B đi vay mượn bạn bè họ anh C. Do anh C không trả đúng hạn nên vợ chồng phải dùng tiền chung của vợ chồng để trả cho những người đã cho anh B vay tiền. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, buộc anh C phải trả cho vợ chồng chị số tiền còn nợ là 01 tỷ đồng, vợ chồng chị không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa ngày 13/6/2022: Bị đơn vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 30/6/2022:

Bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Chị Nh có đơn đề nghị vắng mặt

Nguyên đơn- Anh Dương Văn B trình bày: Anh B xác định khoản tiền 01 tỷ đồng anh B khởi kiện yêu cầu anh C phải trả theo giấy nhận tiền ngày 15/5/2021 là khoản tiền anh B cho anh C vay, không phải tiền đặt cọc mua đất. Nay anh B chỉ yêu cầu anh C trả số tiền 01 tỷ đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Anh B xin rút yêu cầu buộc anh C bồi thường số tiền 100 triệu đồng. Khoản tiền anh C còn nợ là tiền chung của vợ chồng anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

+ Buộc Anh Hoàng Chí C trả Anh Dương Văn B- Chị Hà Thị Nh số tiền 1.000.000.000đồng (bằng chữ: Một tỷ đồng) theo giấy nhận tiền ngày 15/5/2021.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Anh Dương Văn B về việc buộc Anh Hoàng Chí C phải bồi thường số tiền 100.000.000đồng.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là Anh Hoàng Chí C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị Hà Thị Nh vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn là Anh Dương Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn Anh Hoàng Chí C trả 1.000.000.000 đồng tiền cọc đất theo giấy nhận tiền ngày 15/5/2021, yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000đồng thiệt hại do vi phạm hợp đồng đặt cọc. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn xác định bản chất số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy nhận tiền ngày 15/5/2021 là tiền nguyên đơn cho bị đơn vay, không phải tiền đặt cọc mua đất nên chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 01 tỷ đồng theo giấy nhận tiền ngày 15/5/2021, không yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự cụ thể là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo bị đơn đến Tòa án để viết bản tự khai, để Tòa án lấy lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến làm việc, không nộp bản tự khai. Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bị đơn cung cấp văn bản ý kiến thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không cung cấp.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (bản gốc giấy nhận tiền ngày 15/5/2021; bản gốc Hợp đồng vay tiền ngày 04/3/2021, bản phô tô các giao dịch chuyển khoản tiền từ tài khoản Dương Văn B là 1903392538 6010 tại Ngân hàng Techcombank tới số tài khoản Hoàng Chí

Clà 031000684363 tại Ngân hàng Vietcombank; bản phô tô nội dung tin nhắn từ điện thoại) có đủ căn cứ xác định Anh Dương Văn B nhiều lần cho Anh Hoàng Chí C vay tiền. Tính đến ngày 15/5/2021, anh C còn nợ anh B số tiền 01 tỷ đồng. Anh Dương Văn B, Chị Hà Thị Nh cùng xác nhận khoản tiền 01 tỷ đồng anh C nợ là khoản tiền chung vợ chồng. Do vậy, yêu cầu của Anh Dương Văn B, Chị Hà Thị Nh về việc buộc Anh Hoàng Chí C trả số tiền 01 tỷ đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi tiền vay nên HĐXX không xem xét.

[4] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn bồi thường thiệt hại với số tiền là 100.000.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc Anh Hoàng Chí C trả Anh Dương Văn B – Chị Hà Thị Nh số tiền 1.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ đồng) theo giấy nhận tiền ngày 15/5/2021.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Anh Dương Văn B về việc buộc Anh Hoàng Chí C phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Anh Hoàng Chí C phải chịu 42.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả Anh Dương Văn B 22.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001375 ngày 17/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến

khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp Bắc Giang.
- CCTHADS Tp Bắc Giang .
- Các đ-ơng sự.
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

